

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-7-2020.
V/v “Ly hôn giữa bà Hải với
ông N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thu Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: khu phố B, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Bà H và ông N có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020, Đơn xin vắng mặt ngày 09/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/6/2016 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông N đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông N không còn nên bà xin ly hôn với ông N

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Bảo T sinh ngày 08/6/2017. Sau khi ly hôn ông N nuôi con, bà không cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông N nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà. Bà cam kết không khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai và Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 19/6/2020, bị đơn ông Huỳnh Minh N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống vợ chồng là có thật. Nay thấy tình cảm giữa ông và bà H không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Bảo T sinh ngày 08/6/2017. Sau khi ly hôn ông nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà H nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Minh N. Về con chung: ông N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo Trân sinh ngày 08/6/2017. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: bà H và ông N cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Minh N. Hiện nay, ông N đang cư trú tại phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và bị đơn ông Huỳnh Minh N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông N là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà H và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 6 năm 2016 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H, sau khi kết hôn cuộc sống ông bà không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Ông N cũng thừa nhận mâu thuẫn

trong cuộc sống vợ chồng là có thật và đồng ý ly hôn với bà H. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: sau khi ly hôn bà H yêu cầu để ông N nuôi con chung tên Huỳnh Bảo T sinh ngày 08/6/2017 và bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông N đồng ý nuôi cháu Huỳnh Bảo T sinh ngày 08/6/2017 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà H phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Huỳnh Minh N.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Huỳnh Bảo T sinh ngày 08/6/2017 cho ông Huỳnh Minh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011852 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- UBND phường T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương